

Số: 13 /KH-TrTH

Mường Nhé, ngày 28 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Năm học: 2024 - 2025

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ chương trình GDPT ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018;
- Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học;
- Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;
- Căn cứ Kế hoạch số 160/KH-BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ GD&ĐT về triển khai sử dụng hệ thống học liệu Tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học đầu tư theo Quyết định số 4374/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2021 của Bộ GD&ĐT;
- Căn cứ Kế hoạch số 550/KH-PGDĐT ngày 8/7/2024 của PGDĐT. Tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh tham gia học Tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các phương tiện tuyên thông phù hợp khác; đẩy mạnh thực hành Tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi giao lưu Tiếng Anh;
- Căn cứ Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 3/9/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy học môn tin học chương trình GD PT 2018 cấp tiểu học.
- Căn cứ văn bản số 3535/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020 – 2021 và công văn số 12/PGDĐT- CMTH ngày 26/1/2021 của PGDĐT về dạy học tích hợp các môn và môn học hoạt động trải nghiệm ;
- Căn cứ văn bản số 3536/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020– 2021 ;
- Căn cứ văn bản số 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/06/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.
- Căn cứ Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
- Căn cứ Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện Mường Nhé;

Căn cứ Công văn số 639/PGDDĐT-CMTH ngày 9 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Nhé về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ trọng tâm giáo dục Tiểu học năm học 2024 - 2025;

Trường PTDTBT tiểu học Nậm Pồ xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2024-2025

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Mường Nhé là xã trung tâm của huyện có truyền thống văn hoá lâu đời luôn giữ bản sắc của dân tộc, truyền thống văn hoá của địa phương. Giáo dục đã có những phát triển đáng kể, quy mô mạng lưới trường, lớp và học sinh đã ổn định, con em đồng bào dân tộc được tạo điều kiện học tập.

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với xã vùng núi khó khăn thuộc chương trình 135, chương trình 30a, chương trình nông thôn mới. Đặc biệt là được sự quan tâm của các cấp uỷ, chính quyền địa phương, đời sống của nhân dân được nâng lên, nhận thức về công tác giáo dục có sự chuyển biến tích cực. Nhu cầu học cao hơn, sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo không ngừng phát triển đã góp phần vào việc đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương trong thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

** Thuận lợi:*

Nhà trường luôn nhận được sự lãnh đạo sát sao của Đảng Uỷ, HĐND, UBND xã Mường Nhé, sự chỉ đạo trực tiếp của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Nhé, sự phối kết hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành trong xã. Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm học trước, đội ngũ CB-GV-NV đoàn kết, ham học hỏi, trình độ dần được nâng lên, nhiều GV trẻ nhiệt tình trong công tác, tạo động lực cho sự phát triển của nhà trường.

Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và những biện pháp giáo dục của nhà trường.

Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách đãi ngộ đối với giáo viên vùng khó khăn, chính sách cho học sinh dân tộc, học sinh con hộ nghèo, học sinh bán trú... Nhà nước đã đầu tư cơ sở vật chất cho các điểm trường từng bước khang trang thu hút học sinh đến trường ngày càng đông đều hơn.

Công tác xã hội hoá giáo dục dần được nâng lên. Người dân đã chủ động đưa con em ra trường ra lớp, không còn tình trạng học sinh bỏ học, nghỉ học. Thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy. Đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

- Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

** Khó khăn:*

- Năm học 2024 -2025 là năm học thứ năm thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhiệm vụ của nhà trường là phải cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, biết xây dựng và phát triển hài

hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó mà cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

- Cơ sở vật chất còn chưa đồng bộ còn thiếu 3 lớp học. Thiếu các phòng chức năng. Trường có 03 điểm bán lẻ, giao thông đi lại khá khó khăn nhất là bản Co Lót 1. Địa bàn cư trú của học sinh không tập trung, nhiều em ở cách xa trường, điểm bán, nên tỷ lệ đi học chuyên cần chưa cao nhất là mùa mưa lũ, mùa đông giá rét.

- Điều kiện kinh tế của gia đình học sinh còn nhiều khó khăn nên sự quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất cho con em học tập còn hạn chế. 100% học sinh của trường là người dân tộc thiểu số, nhiều em vốn tiếng Việt còn hạn chế nên ngại ?

- Phần lớn học sinh phải tham gia lao động cùng gia đình, nhiều gia đình có ruộng, nương ở xa nên một số em còn nghỉ học rải rác trong năm nhất là thời gian mùa vụ, trông coi em.

- Phần đa phụ huynh chưa quan tâm đến việc học tập của con em, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và xã hội với nhà trường trong công tác giáo dục.

- Nhà trường chưa được giao quyền chủ động về công tác nhân sự, tuyển dụng giáo viên.

GV còn thiếu nhiều kinh nghiệm. Đồ dùng dạy học còn thiếu do vậy ảnh hưởng đến công tác giáo dục.

Tình hình dân di dịch cư tự do, ảnh hưởng trực tiếp đến việc duy trì số lượng học sinh, chất lượng học tập và giảng dạy của thầy và trò.

Giáo viên Tiếng Anh còn thiếu, giáo viên còn dạy dồn lớp ghép lớp số lượng học sinh ao ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024 – 2025

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2024-2025 toàn trường có tổng số 29 lớp với số 781 học sinh, được phân bổ như sau:

Khối lớp	Kế hoạch giao		Thực hiện					
	Số lớp	H.sinh	Số lớp	H.sinh	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	Bán trú
1	7	170	7	167	83	167	0	5
2	7	144	7	144	63	144	7	13
3	5	161	5	161	81	161	3	85
4	5	141	5	141	69	141	3	66
5	5	165	5	165	93	165	4	75
Tổng số	29	781	29	778	389	778	17	244

(Ghi chú 3 hs chuyển về Trần Văn Thọ).

- 100% số lớp và số học sinh học 9 buổi/ngày.

- Sĩ số học sinh/lớp đảm bảo theo quy định; bình quân học sinh/lớp: 26,8

- Tỷ lệ học sinh nữ/lớp: 50

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a. Về số lượng, trình độ đào tạo.

S T T	Đội ngũ	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn					Trình độ LL		Đảng viên
					ĐH	CD	TC	SC	Chưa qua ĐT	TC LL	SC	
1	BGH	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2
2	Giáo viên	42	26	20	34	1	0	0	0	3	1	33
3	Nhân viên	4	3	3	0	1	1	0	2	0	0	0
Cộng		48	29	23	36	2	1	0	2	5	1	35

b. Về cơ cấu đội ngũ

- Chất lượng đội ngũ

S T T	Nội dung	T.số	Tốt		Khá		TB		Yếu (KXL)	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ:									
	- Ban G. Hiệu	2	2	100	0	0	0	0	0	0
	- Giáo viên	42	41	97,6	0	0	0	0	0	0
	- Nhân viên	4	1	25	3	75	0	0	0	0
Cộng		48	45	93, 8	3	6,2	0	0	0	0
2	X. loại hồ sơ	T.số	Tốt		Khá		T.Bình		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	- Ban G.Hiệu	2	2	0	0	0	0	0	0	0
	- TT CM	7	7	100	0	0	0	0	0	0
	- Giáo viên	42	42	100	0	0	0	0	0	0
	- Nhân viên	4	2	50	2	50	0	0	0	0
3	Xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp	T.số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	- Hiệu trưởng	1	1	100	0	0	0	0	0	0
	- P. H.	1	1	100	0	0	0	0	0	0

	trưởng									
	- Giáo viên	42	42	100	0	0	0	0	0	20
	Cộng	44	44	100	0	0	0	0	0	20
4	Chỉ tiêu giáo viên giỏi	Tổng số			Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp trường	
					SL	%	SL	%	SL	%
	- GV giỏi	34			4	9	14	31,8	18	41

c. Về thuận lợi, khó khăn

**** Thuận lợi***

- Về đội ngũ giáo viên:0

+ Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ phải biết khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh để nâng cao chất lượng.

+ Đội ngũ GV trẻ, khỏe, năng động, nhiệt tình; Cơ cấu đạt tỷ lệ 1,45 GV/lớp; giáo viên chia theo các môn học (Tiếng anh 1; Thể dục 1; Âm nhạc 2, Mỹ thuật: 01, Tin học 1). Đa số có năng lực chuyên môn vững vàng, yêu nghề, có trách nhiệm cao trong công tác;

+ 100% GV sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiệu quả; Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục;

+ Đa số giáo viên làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ tốt học sinh trong dạy học và giáo dục;

+ Nhiều giáo viên phối hợp tốt với gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh;

- Về đội ngũ nhân viên:

+ Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường;

+ Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường;

+Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường;

- Về cán bộ quản lý:

+ Có đủ về số lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản trị nhà trường;

+ Có năng lực hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong công tác quản trị nhà trường; Có năng lực kết nối cộng đồng;

+ Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018;

**** Khó khăn***

- Về đội ngũ giáo viên: Thiếu giáo viên Tiếng Anh(chờ tăng cường).
- + Còn 01 giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo.
- + Phần lớn giáo viên còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ. Một số giáo viên việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy còn chưa nhanh.

- Về đội ngũ nhân viên:
- + Kỹ năng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế.
- + Nhà trường vẫn còn thiếu nhân viên Thiết bị - Thư viện và nhân viên phục vụ học sinh bán trú.

- Về cán bộ quản lý:
- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chưa tốt.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú.

TT	Nội dung	Số lượng	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Mượn	Ghi chú
1	Phòng hành chính quản trị						
1.1	Hiệu trưởng	1	1				
1.2	Phó Hiệu trưởng	1	1				
1.3	Văn phòng	1	1				
1.4	Bảo vệ	1	1				
1.5	Nhà để xe giáo viên	1	2	2			
1.6	Nhà vệ sinh giáo viên	4		4			
2	Phòng học						
2.1	Tổng số	29	20	6	2	1	
2.2	Tỉ lệ phòng học/lớp	1,0					
3	Phòng học bộ môn						
3.1	Ngoại ngữ	1	1			1	
3.2	Tin học	1				1	
3.3	Âm nhạc	0					
3.4	Mĩ Thuật	1				1	
3.5	GDTC	0					
3.6	Khoa học công nghệ	0					
3.7	Đa chức năng	0					
4	Khối phòng Hỗ trợ học tập						
4.1	Thư viện	1	1				
4.2	Thiết bị giáo dục	0	0				
4.3	Tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật	0					
4.4	Truyền thông	1	1				
4.5	Đội TNTP Hồ Chí Minh	1	1				
5	Khối phòng phụ trợ						

5.1	Phòng họp	1	1				
5.2	Y tế học đường	1	1				
5.3	Kho	2		2			
5.4	Nhà để xe học sinh	1		1			
5.5	Khu vệ sinh học sinh	6		6			
5.6	Phòng nghỉ giáo viên	1		1			
5.7	Phòng công vụ giáo viên	9	1	8			
6	Khối phục vụ sinh hoạt						
6.1	Nhà bếp	1		1			
6.2	Kho bếp	1		1			
6.3	Nhà ăn	1		1			
6.4	Phòng nội trú	13		13			
6.5	Phòng quản lý học sinh	1		1			
6.6	Phòng sinh hoạt chung học sinh nội trú	0					

- Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

+ Tổng số máy chiếu: 19 (lắp cố định tại các phòng học 13 máy; 6 máy di động).

+ Tăng âm loa: 01 bộ

- Trung tâm và điểm trường đều có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Nhà bếp + Nhà ăn: 01). Nhà bếp, nhà ăn đủ cơ sở vật chất cho 244 học sinh ăn, nghỉ bán trú.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường (Bổ sung thêm mục này)

- Triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đến toàn thể cán, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh đặc biệt là phụ huynh có con học lớp 5 năm học 2024-2025. Tham mưu với chính quyền địa phương tuyên truyền rộng rãi đến toàn thể nhân dân trong xã.

- 100% các lớp tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/ tuần); mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học; mỗi tiết học 35 phút.

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5.

- Thực hiện Chương trình Tiếng Anh hệ 10 năm đối với lớp 3, 4, 5 theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 Thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018,

- Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập:

+ Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập.

+ Học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân và theo quy định.

- Tăng cường Tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số: Thực hiện Đề án “Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025”. Theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 1748/KH-BGDĐT ngày 15/9/2021 về việc tổ chức các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số năm học 2024-2025; Thông tư số 23/2023 TT-BGDĐT-GDTH ngày 8/12/2023 về việc Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện chương trình lớp 1 (Thời lượng 80 tiết)

- Sách, tài liệu, hoạt động thư viện, thiết bị: Xây dựng tủ sách lớp học, xây dựng mô hình “thư viện thân thiện”, phát triển văn hóa đọc phù hợp điều kiện thực tế nhà trường. Quan tâm đẩy mạnh việc đọc sách của học sinh tại trường. Triển khai thực hiện thiết bị dạy học tự làm.

- Các hình thức tổ chức dạy học trong năm học:

+ Đối với những môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Nhà trường tổ chức dạy học trên lớp kết hợp với dạy học tích hợp liên môn và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương đối với một số mạch kiến thức phù hợp để phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

Tổ chức dạy học phân hóa, dạy học tích hợp. Tổ chức dạy học trải nghiệm tập trung vào hoạt động khám phá bản thân, hoạt động rèn luyện, hoạt động phát triển quan hệ bạn bè thầy cô và những người thân trong gia đình và các hoạt động xã hội gắn gũi với học sinh.

Thực hiện nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vệ sinh môi trường, tích hợp về biến đổi khí hậu, giáo dục Biển đảo Việt Nam và các nội dung giáo dục qua các bài trong các môn học: Tiếng Việt, Tự nhiên và xã hội, Lịch sử và Địa lý, Đạo đức.

+ Đối với hoạt động củng cố, tăng cường: Tập trung tăng cường cho học sinh một số môn học như Toán, Tiếng Việt và phát triển văn hóa đọc để tạo cơ hội cho học sinh các lớp có cơ được đọc nhiều hơn. Đảm bảo đủ 7 tiết/ngày (32 tiết/ tuần đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5).

- Thực hiện chương trình tin học đối với lớp 3, 4, 5 trung tâm với 15 lớp

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên trong đơn vị được tập huấn về chương trình giáo dục phổ thông qua nhiều hình thức như học trực tuyến qua mạng, qua tự nghiên cứu tài liệu và các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức và tập huấn tại đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục cho cả năm học, cán bộ quản lý giáo viên nghiên cứu kỹ tài liệu sách giáo khoa, phân tích mạch kiến thức phù hợp với từng vùng miền, địa phương để xây dựng kế hoạch dạy học theo môn học như: các tiết học trải nghiệm theo từng môn học, các tiết dạy học theo chủ đề, các tiết ngoại khóa trong và ngoài nhà trường, hoạt động của các Câu lạc bộ, Giáo dục địa phương Việc xây dựng kế hoạch đảm bảo chi tiết cụ thể theo tuần, tháng và cả năm học.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2024-2025

1. Mục tiêu chung

- Đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Phát huy hiệu quả, tiếp tục thực hiện nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua: Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh. Củng cố kết quả cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

- Thực hiện chương trình giáo dục: Thực hiện đúng kế hoạch, chương trình dạy học, tiếp tục chỉ đạo việc quản lý, tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh; điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp đặc điểm tâm sinh lý học sinh tiểu học; tích hợp các nội dung giáo dục vào các môn học và hoạt động giáo dục, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Tiếp tục đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, tích cực đổi mới công tác quản lý giáo dục; phát triển đội ngũ, đề cao trách nhiệm của một nhà giáo, khuyến khích sự sáng tạo của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý, thực hiện hồ sơ sổ sách, thống kê số liệu, báo cáo. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ gắn với các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Tiếp tục đưa giáo dục văn hóa truyền thống vào nhà trường.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Duy trì số lượng học sinh

Duy trì 783/783 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

2.2. Chất lượng giáo dục

a) Về môn học và hoạt động giáo dục

*** Khối 1; 2; 3 ;4; 5:**

Khối lớp			Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Tổng số học sinh			167		144		161		141		165	
HS Khuyết tật			0		6		3		3		4	
HS được đánh giá			167		138		158		138		161	
Môn học	MĐĐ		<i>TS</i>	<i>TL%</i>	<i>TS</i>	<i>TL%</i>	<i>TS</i>	<i>TL%</i>	<i>TS</i>	<i>TL%</i>	<i>TS</i>	<i>TL%</i>
1. Tiếng	HTT		66	39,5	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7

Việt		HT	101	60,5	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Toán		HTT	66	39,5	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7
		HT	101	60,5	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Ngoại ngữ		HTT					48	30,3	57	41,3	35	21,7
		HT					110	69,7	81	58,7	126	78,3
		CHT					0	0	0	0	0	0
4. Đạo đức		HTT	66	39,5	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7
		HT	101	60,5	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. TN&XH		HTT	66	39,5	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7
		HT	101	60,5	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nghệ thuật	6.Âm nhạc	HTT	66	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7	37,7
		HT	101	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3	61,4
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,9
	7.Mỹ Thuật	HTT	66	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7	37,7
		HT	101	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3	61,4
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,9
8. GDTC		HTT	66	39,5	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7
		HT	101	60,5	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. HĐTN		HTT	66	39,5	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7
		HT	101	60,5	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10.Tin học & Công nghệ		HTT					48	30,3	57	41,3	35	21,7
		HT					110	69,7	81	58,7	126	78,3
		CHT					0	0	0	0	0	0
11. Khoa		HTT							57	41,3	35	21,7
		HT							81	58,7	126	78,3

học		CHT							0	0	0	0
12.Lịch sử & Địa lí		HTT							57	41,3	35	21,7
		HT							81	58,7	126	78,3
		CHT							0	0	0	0
Khối lớp			Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Tổng số học sinh			167		144		161		141		165	
HS Khuyết tật			0		6		3		3		4	
HS được đánh giá			167		138		158		138		161	
Môn học		MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Tiếng Việt		HTT	66	39,5	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7
		HT	101	60,5	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Toán		HTT	66	39,5	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7
		HT	101	60,5	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Ngoại ngữ		HTT					48	30,3	57	41,3	35	21,7
		HT					110	69,7	81	58,7	126	78,3
		CHT					0	0	0	0	0	0
4. Đạo đức		HTT	66	39,5	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7
		HT	101	60,5	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. TN&XH		HTT	66	39,5	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7
		HT	101	60,5	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nghệ thuật	6.Âm nhạc	HTT	66	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7	37,7
		HT	101	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3	61,4
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,9
	7.Mĩ Thuật	HTT	66	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7	37,7
		HT	101	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3	61,4
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,9
8. GDTC		HTT	66	39,5	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7

	HT	101	60,5	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. HĐTN	HTT	66	39,5	48	34,8	48	30,3	57	41,3	35	21,7
	HT	101	60,5	90	65,2	110	69,7	81	58,7	126	78,3
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10.Tin học & Công nghệ	HTT					48	30,3	57	41,3	35	21,7
	HT					110	69,7	81	58,7	126	78,3
	CHT					0	0	0	0	0	0
11. Khoa học	HTT							57	41,3	35	21,7
	HT							81	58,7	126	78,3
	CHT							0	0	0	0
12.Lịch sử & Địa lí	HTT							57	41,3	35	21,7
	HT							81	58,7	126	78,3
	CHT							0	0	0	0

+ Những phẩm chất chủ yếu:

* Khối 1, 2, 3,4,5:

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Tổng số HS		167		144		161		141		165	
<i>HS Khuyết tật</i>		0		6		3		3		4	
HS được đánh giá		167		138		158		138		161	
Phẩm chất	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Yêu nước	Tốt	66	39,5	45	32,6	48	30,3	66	47,8	35	21,7
	Đạt	101	60,5	93	68,4	110	60,7	72	52,2	126	78,3
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Nhân ái	Tốt	66	39,5	45	32,6	48	30,3	67	48,6	35	21,7
	Đạt	101	60,5	93	68,4	110	60,7	71	51,4	126	78,3
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	Tốt	66	39,5	45	32,6	48	30,3	67	48,6	35	21,7
	Đạt	101	60,5	93	68,4	110	60,7	71	51,4	126	78,3
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Trung thực	Tốt	66	39,5	45	32,6	48	30,3	70	50,7	35	21,7
	Đạt	101	60,5	93	68,4	110	60,7	68	49,3	126	78,3
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Trách nhiệm	Tốt	66	39,5	45	32,6	48	30,3	65	47,1	35	21,7
	Đạt	101	60,5	93	68,4	110	60,7	73	52,9	126	78,3
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

+ Những năng lực cốt lõi

* Khối 1, 2,3, 4,5:

Khối lớp	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
----------	--------	--------	--------	--------	--------

[illegible]

4. Thẩm mĩ	Tốt	60	35,9	39	28,3	48	30,4	57	41,3	35	78
	Đạt	107	64,1	99	71,7	110	69,6	81	58,7	126	0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	22
5. Thể chất	Tốt	60	35,9	39	28,3	48	30,4	60	43,4	35	78
	Đạt	107	64,1	99	71,7	110	69,6	78	56,6	126	0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	22
6. Công nghệ	Tốt					48	30,4	57	41,3	35	78
	Đạt					110	69,6	81	58,7	126	0
	CCG					0	0	0	0	0	22
7. Tin học	Tốt					48	30,4	59	42,7	35	78
	Đạt					110	69,6	79	53,7	126	0
	CCG					0	0	0	0	0	22

+ Kết quả giáo dục cuối năm học:

Khối lớp	TSHS Được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	TL %	TS	TL %	TS	TL %	TS	TL %	
1	167	20	12	46	27,5	101	60,5	0	0	
2	138	17	12,3	18	13	103	74,7	0	0	6 HSKT không đánh giá
3	158	28	17,7	20	12,7	110	69,6	0	0	3 HSKT không đánh giá
4	138	20	14,5	37	26,8	81	58,7	0	0	3 HSKT không đánh giá
5	161	16	9,9	19	11,8	126	78,3	0	0	4 HSKT không đánh giá

Tổng	762	101	13.3	140	18,8	521	67,9	0	0	16 HSKT không đánh giá
-------------	------------	------------	-------------	------------	-------------	------------	-------------	----------	----------	-------------------------------

- Hoàn thành chương trình lớp học: 778/778, tỷ lệ 100% (gồm 16 học sinh khuyết tật học hòa nhập).

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 165/165, tỷ lệ 100% .

e) Các hoạt động khác:

- 30% các lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi giao lưu (theo quy định) do trường và ngành phát động trong năm học.

- 100% HS thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường sạch sẽ, gọn gàng (100% HS mặc đồng phục thứ 2,4 hàng tuần).

- 100% các lớp trang trí lớp theo quy định, theo chủ điểm từng tháng linh hoạt, phù hợp và thân thiện.

- 100% các lớp, học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do đội, trường và ngành phát động.

- 100% hưởng ứng tích cực các hoạt động quyên góp, ủng hộ theo khả năng.

- Giáo dục học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức: Tổ chức thăm hỏi các gia đình chính sách: 2 lần/năm học.

g) Khen thưởng cuối năm học:

Khối	TSHS	Khen thưởng					
		TSHS được KT		HSXS/HTXS các nội dung học tập và rèn luyện		Có thành tích vượt trội/ HS tiêu biểu HTT	
		<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>TL %</i>
1	167	88	52,7	36	21,6	52	31,1
2	144	138	95,8	17	11,8	18	12,5
3	161	48	29,8	28	17,4	20	12,4
4	141	57	41,3	20	14,5	37	26,8
5	165	32	19,4	13	7,9	19	11,5
Tổng	778	363	46,7	114	14,7	146	32

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học
1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

T T	Hoạt động giáo dục		Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
			Tổn g	HK 1	HK 2	Tổng	HK 1	HK 2	Tổng	HK 1	HK 2	Tổng	HK 1	HK 2	Tổng	HK 1	HK2
I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																	
1	Tiếng Việt		420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán		105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức		35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TN&XH		70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	Khoa học											70	36	34	70	36	34
6	LS&ĐL											70	36	34	70	36	34
7	Nghệ thuật	- Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	35	18	17	17
		- Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	35	18	17	17
		- TC/KT							35	18	17	35	18	35	18	17	17
8	Tin học và CN								70	36	34	70	36	34	70	36	34
9	GDTC (Thể dục)		70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
10	Ngoại ngữ 1(TA)								140	72	68	140	72	68	140	72	68
11	Hoạt động trải nghiệm (105)	-Chào cờ	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	35	18	17	17
		- HĐCD/NG LL	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	35	18	17	
		-SHL	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	35	18	17	17

12	Tăng cường TV Khối 1,2,3,4	80	80	0	35	18	17	35	18	17						
13	Độc thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
14	GD Địa phương	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10

II. Môn học tự chọn

1	Tiếng dân tộc thiểu số															
2	Ngoại ngữ 1 (lớp 1, 2)															
3	Tin học (lớp 3,4,5)															

III. Hoạt động củng cố, tăng cường

1	Tăng cường Toán				35	18	17									
2	Tăng cường Tiếng Việt				105	54	51	35	18	17						
3	Độc thư viện															

TỔNG

Tổng số tiết/năm học (không kể các môn học tự chọn)	1120	576	544	1120	504	476	1120	558	527	1120	576	544	1120	576	544
Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)	32			32			32			32			32		
Số tiết tự chọn/tuần	0			0			0			0			0		
Số tiết củng cố, tăng cường/tuần				4			1								
Số tiết/tuần	32			32			32			32			32		
Số buổi dạy/ tuần	9			9			9			9			9		
Tổng số tiết/ năm học	1120			1120			1120			1120			1120		

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Truyền thống nhà trường	Khai giảng năm học mới; giới thiệu về truyền thống nhà trường.	Tập trung toàn trường; Theo lớp	Sáng ngày 5/9/2024	BGH; TPTĐ GVCN	Ban ĐDCMHS; GV các môn chuyên.
	HĐTN	- Tổ chức Tết Trung Thu cho học sinh.	Tập trung toàn trường(Lớp)	Chiều thứ Ba ngày 17/9/2024	BGH; TPTĐ GV toàn trường	Ban ĐDCMHS; Đoàn TNCSHCM xã; Nhân viên nhà trường
Tháng 10	Truyền thống nhà trường	Sinh hoạt truyền thống về ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968)	Tập trung toàn trường(Lớp)	Sáng thứ 2 ngày 14/10/2024 (30 phút)	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GVBM
	HĐTN	Giao lưu văn nghệ; vẽ tranh; làm thiệp chúc mừng mẹ và cô nhân ngày 20/10	Tập trung toàn trường; theo khối(lớp)	Giờ chào cờ đầu tuần, thứ 2 ngày 14/10/2024(Lớp)	TPTĐ, GVCN	BGH, GVBM, NV
Tháng 11	Kính yêu thầy giáo, cô giáo	Kỉ niệm ngày 20/11; Hội diễn văn nghệ	Tập trung toàn trường(Lớp)	Thứ 4 ngày 20/11/2024	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc.	Ban ĐDCMHS
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Nghe kể chuyện về truyền thống lịch sử dân tộc. -Thi tìm hiểu truyền thống anh hùng của Quân đội NDVN.	Tập trung toàn trường(Lớp)	Sáng thứ 2 ngày 16/12/2024 (30 phút)	Tổng phụ trách đội, giáo viên chủ nhiệm	BGH, GV, NV.

Tháng 1+2	HĐTN	- Trao quà tết cho HS có HCKK	Tập trung toàn trường (Lớp)	Thứ Hai ngày 24/01/2025	BGH; TPTĐ GV toàn trường.	- Ban ĐDCMHS - Các lực lượng hỗ trợ, tài trợ...
Tháng 3	HĐTN	- Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.	Tập trung toàn trường (Lớp)	Giờ chào cờ đầu tuần 3/3/2025 (30 phút)	BGH; TPTĐ GV toàn trường.	Ban ĐDCMHS
Tháng 4	HĐTN	Thi tìm hiểu về truyền thống lịch sử dân tộc	Học sinh khối (lớp) toàn trường	Sáng thứ sáu ngày 28/4/2025 (30 phút)	PHT; TPTĐ	GVCV, GVBM
Tháng 5	HĐTN	Thăm hỏi, động viên gia đình có công với cách mạng trên địa bàn xã.	Tập trung	Thứ hai ngày 5/5/2024	CBGV, HS khối lớp 5	- Ban ĐDCMHS - Đại diện lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể xã.

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt câu lạc bộ, năng khiếu.	Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ theo nhu cầu người học.	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	2 lần/tháng (Chiều thứ tư, hàng tuần. Từ 16h 5 phút đến 17h 30 phút).	Tại trường	
2	Vui chơi tự do; HĐTT sân trường	- Chơi trò chơi - Ca múa hát, HĐTT sân trường;	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	2 lần/tháng (Chiều thứ năm hàng tuần. Từ 16h 5 phút đến 17h 30 phút).	Tại sân trường	
3	HĐTN, RKNS, HĐGD khác	- GDKNS; hoạt động giải trí ...	Học sinh bán trú	Sau bữa ăn tối từ 18h đến 19h	Tại trường	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường (Trường không có điểm trường thì chuyển 02 bảng dưới xuống mục 4...)

- Kế hoạch giáo dục đối với điểm trường lẻ thực hiện như trường trung tâm.
- Hoạt động câu lạc bộ sinh hoạt theo điểm trường và bố trí thời gian sinh hoạt luân phiên giữa các điểm trường cho phù hợp (do khoảng cách từ trường trung tâm tới điểm trường 6 km; một số học sinh do không có người đưa đón hoặc phương tiện đi lại).

*** Khung thời gian hoạt động trong ngày:**

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
7 giờ 15 phút – 7 giờ 25 phút	10 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 25 phút - 7 giờ 35 phút	10 phút	Truy bài đầu giờ
7 giờ 35 phút - 8 giờ 15 phút	40 phút	Tiết 1
8 giờ 15 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
	25 phút	Ra chơi
9 giờ 15 phút - 9 giờ 55 phút	40 phút	Tiết 3
9 giờ 55 phút - 10 giờ 30 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 30 phút - 11 giờ 50 phút	80 phút	Ăn trưa + HĐTN/ Hoạt động giáo dục (HS bán trú)
Buổi chiều		
14 giờ - 14 giờ 40 phút	40 phút	Tiết 1
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 2
	15 phút	Ra chơi
15 giờ 30 phút - 16 giờ 5 phút	35 phút	Tiết 3
Hoạt động cuối ngày		
Thời gian		Nội dung

16 giờ 5 phút đến 17 giờ 30 phút	85 phút	- Tổ chức cho học sinh chăm sóc bồn hoa cây cảnh, vườn rau, TDĐT, Câu lạc bộ, SH sao, đội
----------------------------------	---------	---

*** Ghi chú: Thời gian 1 tiết học 35 phút.**

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

- Căn cứ Quyết định số 11968/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện Mường Nhé;

Ngày tựu trường: Thứ năm, ngày 29/08/2024

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2024

Học kỳ I: Từ ngày 06/09/2024 kết thúc ngày 15/01/2025 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 16/01/2025 kết thúc ngày 24/05/2025

(gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày bế giảng năm học: Từ ngày 31/05/2025

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

Tại trường PTDTBT Tiểu học Nậm Pồ thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

*** Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần đối với các khối lớp từ 1 đến 5:**

TT	Môn học và Hoạt động giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		Theo TT32	Tăng thêm	Theo TT32	Tăng thêm	Theo QĐ16	Tăng thêm	Theo QĐ16	Tăng thêm	Theo QĐ16	Tăng thêm	

1	Tiếng Việt	12	1	10	2	7	1	7		7		
2	Toán	3	1	5	2	5		5		5		
3	Đạo đức	1		1		1		1		1		
4	TN&XH	2		2		2						
6	Khoa học							2		2		
7	LS&DL							2		2		
8	Nghệ thuật(Âm Nhạc, MT)	2		2		2		2		2		
	Thủ công(Công nghệ)					1		1		1		
9	Kỹ thuật											
10	GDTC	2		2		2		2		2		
11	HĐTN (khối 1, 2,3,4)	3		3		3		3				
12	Tăng cường TV	5		1		1				2		
13	Tiếng Anh					4		4		4		
14	Tin học					1		1		1		
15	Độc thư viện	1		1		1		1		1		
16	GD địa phương	1		1		1		1		1		
Tổng		30	2	28	4	31	1	32		32		

<i>Tổng chung/tuần</i>	<i>32 tiết</i>	<i>32 tiết</i>	<i>32 tiết</i>	<i>32 tiết</i>	<i>32tiết</i>	
------------------------	----------------	----------------	----------------	----------------	---------------	--

***Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục từ khối 1 đến khối 5:**

- Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được xây dựng cụ thể theo từng ngày/lớp/ tuần (*Có thời khóa biểu chi tiết theo từng lớp và kế hoạch dạy học tuần của từng môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp kèm theo*).

- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

- Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh để đảm bảo kế hoạch dạy học đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động theo nhu cầu người học theo tình hình cụ thể của nhà trường.

- Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tham mưu với cấp trên tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tu bổ, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục nhằm kêu gọi các nhà tài trợ để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,

- Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động xã hội hóa giáo dục để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tăng cường trang thiết bị trong các lớp học, bổ sung đầu sách, truyện trang thiết bị xây dựng thư viện tiên tiến.

- Tăng cường và tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Tiếp tục tham mưu tăng cường CSVC phòng Tin học và Ngoại ngữ.

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ

- Xây dựng đội ngũ GV, NV, CBQL cốt cán; Phân công các giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực còn hạn chế để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018;

- Cử GV, NV, CBQL tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng; học tập nâng cao trình độ theo lộ trình hướng dẫn tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP;

- Triển khai hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV, NV, CBQL đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 trên cơ sở khảo sát nhu cầu, yêu cầu thực tiễn;

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế của trường;

- Tăng cường công tác giao lưu, chia sẻ nội sinh hoạt chuyên môn giữa

các đơn vị trường trong và ngoài huyện;

- Tổ chức các giờ dạy minh họa, các chuyên đề theo nhu cầu của đội ngũ nhằm giải quyết những vướng mắc, khó khăn khi thực hiện chương trình GDPT 2018.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Xây dựng quy trình triển khai dạy học theo CTGDPT 2018.

- Thực hiện tốt nền nếp sinh hoạt chuyên môn hàng tuần để đảm bảo đồng hành, hỗ trợ thường xuyên đối với các giáo viên thực hiện CTGDPT 2018; thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ khối chuyên môn.

- Xây dựng các nội dung chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên.

- Tổ chức cho giáo viên tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện SHCM cấp trường, cụm trường, cấp huyện theo hướng NCBH và chuyên đề. Tổ chức hội thảo giải đáp những khó khăn vướng mắc trong giảng dạy;

- Soạn thảo các văn bản chỉ đạo việc tổ chức thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo yêu cầu CTGDPT 2018;

- Tăng cường tổ chức nghiên cứu nội dung mới, nội dung khó để giải quyết những vướng mắc khi thực hiện CTGDPT 2018;

4. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

- Làm tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về GDTH; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông trên địa bàn xã, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.

- Triển khai đổi mới giáo dục tiểu học theo chủ trương của ngành, nhà trường chủ động cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh và nhân dân biết qua các kênh thông tin truyền thông; đồng thời, sẵn sàng lắng nghe và thảo luận các vấn đề mới đang tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau để tạo lập sự đồng thuận và hỗ trợ của xã hội.

- Tuyên truyền về các biện pháp ngăn ngừa các hành vi bạo hành đối với trẻ em, hành vi xâm hại hoặc ứng xử gây tổn thương đến thể chất, tinh thần học sinh.

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của trường, của Ngành, nhất là các hoạt động đổi mới, sáng tạo trong dạy và học, các tấm gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để tạo sự lan tỏa, khích lệ các thầy, cô giáo, các em học sinh phấn đấu vươn lên.

- Nhà trường tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

- Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh thông qua Giáo dục kỹ năng sống. Lòng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối

sống, kĩ năng sống, các kĩ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo lực; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước)...

- Tổ chức giao lưu trò chơi dân gian, hát dân ca: Giao trách nhiệm cho Tổng phụ trách phân công cụ thể cho các khối lớp các trò chơi dân gian, bài hát dân ca phù hợp.

- Tổ chức cho học sinh chăm sóc các gia đình chính sách, tham quan các khu di tích lịch sử, đài tưởng niệm, ...

- Làm tốt công tác giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống văn hoá lịch sử ở địa phương cho học sinh, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc thông qua công tác tuyên truyền, các hoạt động về nguồn, kỉ niệm các ngày lễ, các sự kiện trọng đại của đất nước như: Phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, “Áo lụa tặng Bà”,...

6. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú

- Tăng cường kiến thức kỹ năng thông qua các môn học, giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động các câu lạc bộ, phát triển năng lực thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế. Vận động cha mẹ học sinh tự nguyện ủng hộ chủ trương và đóng góp kinh phí để tổ chức cho học sinh ăn trưa theo thực đơn cân bằng dinh dưỡng và nghỉ trưa tại trường. Thực hiện quy định tài chính về thu, chi thỏa thuận với cha mẹ học sinh theo hướng dẫn của cấp trên; công khai hàng ngày số lượng hàng hóa, định mức chi cho việc nấu ăn, phục vụ học sinh bán trú.

- Tổ chức dạy học cả ngày và bán trú thực hiện quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, lưu trữ mẫu thức ăn hàng ngày, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, không sử dụng lương thực, thực phẩm kém chất lượng nấu ăn cho học sinh.

- Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh bán trú như giáo dục kỹ năng sống

7. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật

- Căn cứ nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT đối với cấp học Tiểu học.

- Dựa vào khả năng nhu cầu của mỗi trẻ khuyết tật đã xác định trong sổ “Theo dõi sự tiến bộ của trẻ” và kế hoạch giáo dục chung.

- Trên cơ sở đó giáo viên điều chỉnh nội dung, chương trình các môn học và phương pháp giáo dục giáo dục một cách phù hợp với từng đối tượng người học.

- Giáo viên dạy môn chuyên biệt đề xuất miễn, giảm một số môn học nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng của cá nhân người học không thể đáp ứng được như môn Tiếng Anh, Thể dục, Âm nhạc...

- Giáo viên trong giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật phải tôn trọng và thực hiện các quyền của người khuyết tật, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu thương trẻ khuyết tật, tăng cường tìm hiểu cách giáo dục trẻ khuyết tật. Thường xuyên theo dõi đánh giá sự tiến bộ của trẻ.

- Chủ động phối hợp với tổ, giáo viên dạy chuyên trong việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân, tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân của trẻ khuyết tật.

8. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

- Dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc qua các môn học và hoạt động giáo dục. Thường xuyên rèn kỹ năng nghe, nói (phát âm), viết chính tả cho học sinh lớp 1, 2, 3

- Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp.

- Thực hiện linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh trong quá trình giảng dạy các môn học cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường.

9. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng

- Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập,

- Khuyến khích các em đăng ký tham gia các lớp phát triển năng khiếu bản thân như: múa, vẽ, thể thao...

- Tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo trong các tiết học chính khóa và tiết tăng thêm theo hình thức dạy phân hóa đối tượng học sinh.

10. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào công tác dạy học và quản lý

- Khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên tại “Trường học kết nối” trong quá trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng.

- Tích cực tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, giao lưu tiếng Việt, hoạt động câu lạc bộ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động Đội thiếu niên tiền phong HCM, sao nhi đồng.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng.

+ Phụ trách chung toàn trường, điều hành các hoạt động của nhà trường và thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 11- Điều lệ trường tiểu học (Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020); trực tiếp chỉ đạo, điều hành và phụ trách các lĩnh vực sau: công tác tổ chức cán bộ; Phụ trách công tác tài chính, tài sản; công tác khuyến học, thi đua khen thưởng; Công tác Xã hội hóa giáo dục; Xây dựng CSVN; Các cuộc vận động. Kiểm tra nội bộ; Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục.

+ Tham gia giảng dạy 2 tiết/tuần lớp 1. Thuộc biên chế tổ khối 4, phụ trách chỉ đạo chuyên môn, ký duyệt hồ sơ giáo viên khối 1 và tổ 4; phụ trách các hoạt động của điểm trường Trung Tâm.

+ Chịu trách nhiệm trước phòng GD&ĐT huyện Mường Nhé, Đảng ủy,

HĐND-UBND xã Mường Nhé về toàn bộ hoạt động của nhà trường.

2. Đối với hiệu phó .

2.1 Đ/cTrần Bá Ánh: Phó Hiệu trưởng

+ Được Hiệu trưởng ủy quyền chỉ đạo các công việc của nhà trường khi hiệu trưởng đi vắng.

+ Phụ trách công tác chuyên môn toàn trường; công tác kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn Quốc gia của nhà trường; tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường; phụ trách cam kết chất lượng giáo viên và học sinh; tổng hợp thống kê, báo cáo theo nội dung công việc được giao, chỉ đạo các hoạt động phong trào của nhà trường; phụ trách công tác thi đua khen thưởng; phụ trách mảng cơ sở vật chất , lao động nhà trường; phụ trách công tác lao động vệ sinh toàn trường.

+ Trực tiếp theo dõi và phụ trách các hoạt động các điểm trường.

+ Tham gia giảng dạy 4 tiết/tuần lớp 2. Chỉ đạo các hoạt động của tổ chuyên môn khối 2; 3; 5; tổ chuyên, vp. Thuộc biên chế tổ khối 5. Ký duyệt hồ sơ các thành viên tổ khối 2; 3; 5; tổ chuyên, vp. Dạy khối 2: 4 tiết

+ Phụ trách chương trình nuôi em

+ Thực hiện những nhiệm vụ khác khi được Hiệu trưởng phân công.

+ Phụ trách chế độ tăng giờ đối với cán bộ giáo viên trong nhà trường.

+ Phụ trách về công tác bán trú (Quản trú, nấu ăn bán trú, rèn kỹ năng sống cho học sinh bán trú...).

+ Phụ trách toàn bộ chế độ của học sinh được hưởng theo quy định bao gồm: (Chế độ bán trú, chi phí học tập, các quỹ hỗ trợ học sinh do những tổ chức, cá nhân tài trợ).

+ Thống kê, báo cáo liên quan đến công việc được giao, cơ sở giữ liệu quốc gia, tập huấn CSDL.

+ Thực hiện những nhiệm vụ khác khi được Hiệu trưởng phân công.

3. Đối với tổ trưởng chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình (đối với tổ chuyên môn); theo kế hoạch công tác (đối với tổ văn phòng) và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (đối với tổ chuyên môn), tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ (đối với cả tổ chuyên môn và tổ văn phòng) theo kế hoạch của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/ khối theo quy định (2 lần/tháng).

- Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.

- Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM.

- Thành lập Ban chỉ huy liên đội, các sao nhi đồng tổ chức và thực hiện mọi hoạt động phong trào của nhà trường;

- Phối kết hợp với ban chuyên môn trường, các tổ khối trưởng chuyên môn, các giáo viên xây dựng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào học sinh của nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch đội, xây dựng bộ tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Đối với giáo viên chủ nhiệm.

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.
- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;
- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học/ lớp mình đảm nhiệm;
- Phối kết hợp với các ban, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;
- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

6. Đối với giáo viên phụ trách môn học.

- Xây dựng kế hoạch dạy học tuần theo môn học phụ trách, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.
- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;
- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học mình đảm nhiệm;
- Phối kết hợp với các GVCN, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;
- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7. Đối với nhân viên.

7.1. Nhân viên TV+TB.

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện + thiết bị;
- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện + thiết bị;
- Tuyên truyền đề CBGV, NV và học sinh tích cực đọc sách;
- Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...
- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.2. Nhân viên Y tế.

- Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.
- Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường
- Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGVNV và học sinh.
- Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khoẻ HS, lập sổ sức khoẻ, phiếu khám sức khoẻ định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDDT, Bộ Y tế.

- Phối hợp với công ty bảo hiểm phổ biến chế độ bảo hiểm tới GV, HS và phụ huynh HS của nhà trường.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.3. Nhân viên kế toán.

- Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.

- Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.

- Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.

- Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.

- Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.

- Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.4. Nhân viên văn thư – Thủ quỹ

- Nhận lương và cấp phát lương theo từng tháng đúng quy định của nhà nước.

- Nhận chế độ học sinh và cấp phát chế độ cho học sinh kịp thời.

- Nhận, chuyển, lưu trữ các công văn, quyết định đi và đến của nhà trường.

- Soạn thảo các văn bản khi Ban giám hiệu yêu cầu.

7.5. Nhân viên phục vụ.

- Đảm bảo tốt vệ sinh môi trường (phòng làm việc, phòng họp, phòng học, hành lang, sân trường, hệ thống thoát nước, các khu vệ sinh của GV và HS, đảm bảo dọn vệ sinh sạch sẽ toàn bộ khuôn viên nhà trường).

- Đảm bảo nước uống, vệ sinh an toàn, đầy đủ cho cán bộ, giáo viên.

- Bảo quản các đồ dùng, dụng cụ được nhà trường trang bị.

- Báo cáo kịp thời tình hình giữ gìn vệ sinh của các bộ phận, các thành viên trong nhà trường. Chủ động khắc phục những việc trong khả năng có thể, kiến nghị kịp thời những vấn đề nằm ngoài khả năng tự giải quyết của cá nhân.

- Phối hợp tốt với bảo vệ và các GVCN để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp tích cực vào việc xây dựng môi trường sư phạm của nhà trường xanh - sạch - đẹp.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.6. Nhân viên bảo vệ.

- Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của GV, HS.

- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.

- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 của trường
PTDTBT Tiểu học Nậm Pồ./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện (để b/c);
- Các tổ chuyên môn (để t/h);
- Lưu HS

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Nguyên